

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hoa
2. Ông Ngũ Minh Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Từ Minh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 231/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; HKTT: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: 67/3 Tổ X, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1975; HKTT: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: 67/3 Tổ X, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Bà H, ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông N có tổ chức lễ cưới, chung sống tự nguyện từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian

thì phát sinh mâu thuẫn, do nhiều khác biệt trong suy nghĩ, dẫn đến cãi vã. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông N có 03 con chung là Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/3/1999, Trần Thị Lệ U, sinh ngày 13/6/2001 và Trần Thị Minh T2, sinh ngày 20/4/2003. Cháu T và cháu U đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T2, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2020, quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Ông N thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông N và bà H có 03 con chung là Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/3/1999, Trần Thị Lệ U, sinh ngày 13/6/2001 và Trần Thị Minh T2, sinh ngày 20/4/2003. Cháu T và cháu U đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N đồng ý giao cháu Trần Thị Minh T2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy ông N, bà H sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Hiện nay cả hai đều thống nhất về việc ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Hai bên thống nhất về việc 02 con chung là Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/3/1999, Trần Thị Lệ U, sinh ngày 13/6/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và thống nhất giao cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 20/4/2003 cho bà H nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận này của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà H khởi kiện ông N yêu cầu ly hôn, ông N như hiện đang trú tại phường T, thành phố T. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà H và ông N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông N có tổ chức lễ cưới, chung sống tự nguyện từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận.

Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất về quá trình chung sống, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn.

Xét thấy, cả hai đều xác định tình trạng chung sống của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông N là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc 02 con chung là Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/3/1999, Trần Thị Lệ U, sinh ngày 13/6/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và giao cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 20/4/2003 cho bà H nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn N về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 20/4/2003 cho bà H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0046305 ngày 11/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Đại Thắng